

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 28-5-2020

V/v: “tranh chấp tài sản sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quyền

Các Thẩm phán: Ông Trương Hoài Bình

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “tranh chấp tài sản sau ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/HNGĐ-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979

Địa chỉ: huyện V, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1978

Địa chỉ: huyện V, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Bảo Kh, sinh năm 1981. Có mặt.

Địa chỉ: huyện V, Tp Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 19/5/2020).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân huyện V.

Địa chỉ: huyện V, thành phố Cần Thơ.

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: quận Th, thành phố Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2019). Vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1951

3.3. Bà Trần Thị N, sinh năm 1959

3.4. Ông Trần Văn K, sinh năm 1954

3.5. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979

3.6. Bà Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1983

3.7. Anh Nguyễn Nhựt Th, sinh năm 2000. Có mặt.

Cùng địa chỉ: huyện V, thành phố Cần Thơ

(Bà N, ông K, ông T cùng ủy quyền cho ông L-Văn bản ủy quyền ngày 25/5/2020). Ông L có mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn Nguyễn Thanh T trình bày và yêu cầu:

Vào năm 2001 ông và bà L đi đến hôn nhân, nhưng đã ly hôn theo bản án số 25/2016/HN-PT, ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân Tp Cần Thơ. Trong thời gian chung sống cha ruột của ông là ông Nguyễn Văn L có mua diện tích đất là 7.762m² của ông Trần Văn R và cho ông đại diện hộ đứng tên, thuộc thửa số 408, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp T, xã Th, huyện V, Tp Cần Thơ, đất do ông sử dụng ổn định từ khi mua cho đến nay, đối với đất này bà L không có công sức đóng góp tạo ra. Hiện tại ông và bà L không còn là vợ chồng, nhưng bà L giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính), ông đã yêu cầu bà L trả lại nhiều lần nhưng bà L không đồng ý. Ngoài ra, phần đất trên là tài sản riêng của ông nhưng bà L cố tình không ký vào bất kỳ loại giấy tờ nào để ông giao dịch với người thứ ba, nên ông gặp khó khăn trong việc định đoạt quyền sử dụng đất của mình theo qui định của pháp luật.

Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 408, diện tích 7.762m², là tài sản của cá nhân ông, để ông được toàn quyền sử dụng, định đoạt tài sản của mình.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/03/2019, ông Tùng có ý kiến, đồng ý hỗ trợ cho bà Lê số tiền 100.000.000 đồng, để bà Lê nuôi con, bà Lê trả lại cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xác định là tài sản thuộc thửa số 408, tờ bản đồ số 07, diện tích 7.762m², là tài sản riêng của ông.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị đơn bà L trình bày và yêu cầu:

Bà và ông T cưới nhau có tổ chức lễ cưới vào năm 1999, nhưng đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn, vợ chồng đã ly hôn vào năm 2016. Nguồn gốc đất thuộc thửa số 408 là của cha mẹ chồng cho chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, do bà và ông T cưới nhau năm 1999, năm 2001 mới đăng ký kết hôn. Nên bà xác định tài sản cho chung là trong thời kỳ hôn nhân. Bà không đồng ý với yêu cầu của ông T, bà yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân này là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 408 theo qui định của pháp luật, bà đề nghị được nhận bằng hiện vật.

Ngày 18/7/2019 bà Nguyễn Thị Hồng L đến Tòa án nộp đơn phản tố, đơn đề ngày 24/6/2019; 02 tờ xác minh, ngày 13/7/2019; tờ tường trình ngày 18/7/2019 về việc nộp đơn phản tố trễ; tờ thỏa thuận ngày 02/9/2014 có nội dung ông T đồng ý xác nhận tài sản vào khối tài sản chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lần lượt trình bày:

- Ông Nguyễn Văn L: thửa đất 408 nêu trên là của vợ chồng ông nhận chuyển nhượng từ trước khi ông T chưa có vợ, vợ chồng ông cũng cho riêng ông T từ trước khi T chưa có vợ. Thời điểm năm 2000 ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đang chung hộ khẩu với ông, nhưng ông và các thành viên trong hộ gia đình xác định đây là tài sản riêng của T.

- Ủy ban nhân dân huyện V, Tp Cần Thơ, có đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Văn Đ có ý kiến tại văn bản ngày 10/6/2019 như sau:

Thửa số 408, diện tích 7.762m², loại đất 2L, tờ bản đồ số 07, địa chỉ đất ấp T, xã Th, huyện V do ông Trần Văn R kê khai đăng ký trên sổ mục kê đất đai lập năm 1989 – 1990. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ), cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 135 cho ông Trần Văn R, đứng tên. Năm 2000, hộ ông R lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh T với diện tích 7.762m², tại thửa đất số 408, tờ bản đồ số 07. Được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000119, ngày 22/6/2000 cho hộ ông Nguyễn Thanh T tại thửa số 408, diện tích 7.762m², tờ bản đồ số 07, địa chỉ ấp T, xã Th, huyện Thốt Nốt (nay là huyện V). Như vậy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 408 cho hộ ông Nguyễn Thanh T là đúng trình tự thủ tục, đúng qui định của pháp luật. Thời điểm xác lập giao dịch chỉ có đại diện hộ gia đình ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi xác lập giao dịch. Đại diện ủy quyền Ủy ban nhân dân huyện V, Tp Cần Thơ yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ông Trần Văn K có ý kiến trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2019 như sau:

Ông là cậu ruột của ông T, ông có nhận cổ đất thuộc thửa số 408, với số tiền cổ là 400.000.000 đồng từ ông T, số tiền ông đã giao đủ cho ông T, cổ vào ngày 04/10/2016, thời hạn cổ là 4 năm, hiện ông vẫn còn đang canh tác trên phần đất này. Việc cổ đất các bên có lập thành văn bản, không công chứng, chứng thực, bản chính ông đang giữ. Qua vụ kiện tranh chấp giữa các đương sự, bản thân ông không có ý kiến hay yêu cầu độc lập gì trong vụ án. Nếu khi giải quyết tranh chấp có ảnh hưởng đến quyền lợi ích của ông thì ông sẽ yêu cầu ông T phải có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền 400.000.000 đồng bằng vụ kiện khác. Do bận công việc nên ông yêu cầu vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng tại các nơi, các cấp Tòa án.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 50/2019/HNGĐ-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T.

Công nhận sự tự nguyện buộc ông Nguyễn Thanh T phải chia cho bà Nguyễn Thị Hồng L giá trị quyền sử dụng đất trong thửa 408, diện tích theo đo đạc thực tế là 7.762m², loại đất LUC, theo giấy chứng nhận quyền là: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả số tiền trên thì phải chịu lãi suất, theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Hồng L không được cản trở ông T và các thành viên hộ gia đình ông T thực hiện quyền định đoạt, sử dụng liên quan đến thửa 408, diện tích theo đo đạc thực tế là 7.762m², loại đất LUC, đất do ông T đại diện hộ đứng tên.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000119, cấp ngày 22/6/2000, đất do ông T đại diện hộ đứng tên, hiện bà L đang giữ, bà L phải có trách nhiệm trả lại cho ông T.

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định, định giá Tòa án lập ngày 03/7/2018 và các bảng trích đo địa chính của Trung tâm kỹ thuật TNMT, sở tài nguyên Môi trường TP Cần Thơ cung cấp xác nhận 03/04/2019 để xác định kích thước, vị trí phần tài sản tranh chấp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/9/2019, bà L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng xác định thửa đất 408 là tài sản chung của bà L và ông T chứ không phải là tài sản của tất cả các thành viên trong hộ gia đình ông T; yêu cầu giải quyết cho bị đơn phần đất và căn nhà tại ấp Vĩnh Quới, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và cung cấp bản photo phiếu xuất hồ sơ ngày 11/11/2005 của Ngân hàng Kiên Long-PGD V.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được hưởng giá trị ½ thửa đất 408 theo kết quả định giá ngày 03/7/2018.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà L nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời gian luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn: Bà L kháng cáo yêu cầu xác định thửa đất 408 là tài sản chung của bà L và ông T là có căn cứ, bởi tài sản này được vợ chồng ông L cho ông T và bà L trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà L. Quá trình sử dụng đất, ông T và bà L đều ký tên vào hợp đồng thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng, đất được cấp cho hộ ông T và bà L. Đối với kháng cáo của bà L yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết luôn thửa đất 538 và căn nhà trên đất. Xét thấy, trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà L không được cấp sơ thẩm xem xét đơn phản tố do nộp sau ngày Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà L, sửa án sơ thẩm theo hướng xác định thửa đất 408 là tài sản chung của ông T và bà L, chia toàn bộ thửa đất 408 cho ông T, ông T có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp chia tài sản sau ly hôn” và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn, nhận thấy:

[2.1] Phần đất tranh chấp tại thửa số 408, tờ bản đồ số 07, diện tích theo đo đạc thực tế là 7.762m², loại đất LUC, đất do ông Tùng đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000119, cấp ngày 22/6/2000. Đất tọa lạc tại ấp T, xã Th, huyện V, thành phố Cần Thơ, Theo biên bản định giá ngày 03/7/2018 thì đất tranh chấp có giá trị 7.762m² x 70.000 đồng/01m² = 543.340.000 đồng.

Cấp sơ thẩm xác định thời kỳ hôn nhân của ông T và bà L được các bên thống nhất là ông T và bà L chung sống, tổ chức lễ cưới vào năm 1999, đến năm 2001 mới tổ chức đăng ký kết hôn, trong thời điểm này là thời điểm giao thời giữa Luật hôn nhân gia đình năm 1986 và Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Do đó, căn cứ vào qui định tại Nghị quyết 35/2000/NQ-QH, ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03/01/2001 của Tòa án Nhân Dân Tối Cao, Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp, thì thời điểm xác lập quan hệ vợ chồng của ông T và bà L là thời điểm năm 1999, là có căn cứ, đúng pháp luật. Như vậy, thửa đất số 408 do ông T đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà L.

Theo quy định tại điểm 29 khoản 3 Luật đất đai năm 2013 thì “*Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất*”.

Theo hồ sơ địa chính về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T thì hộ ông T được xác định tại ấp Tân An, xã Thạnh Lộc, huyện V, thành phố Cần Thơ (như Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, tờ khai lệ phí trước bạ, giấy xác nhận về việc đối chiếu diện tích chịu thuế, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất).

Hợp đồng thế chấp tài sản số 09/2010/HĐTC ngày 07/9/2010, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (thế chấp thửa đất 408) chỉ có ông T và bà L ký tên và đều xác định ông T, bà L cùng sở hữu thửa đất 408. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông T cũng cung cấp chứng cứ mới là phiếu xuất hồ sơ tài sản ngày 11/11/2015 cũng xác định chủ tài sản thửa đất 408 là của ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Hồng L.

Như vậy, thời điểm năm 2000, ông T là chủ hộ gia đình sử dụng đất, trong hộ gia đình sử dụng đất do ông T là chủ hộ không có các thành viên như ông L, bà N, ông T, bà Ph. Trong hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T cũng không có tên các thành viên này. Điều này cũng phù hợp với lời khai của ông L và các thành viên khác trong gia đình ông L khai thống nhất là thửa đất 408 đã cho ông T.

Thửa đất 408 hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông T và bà L, do ông T đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ năm 2000 cho đến năm 2016 thì ly hôn với bà L, ông T không khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngoài ra nhiều lần cùng bà L ký tên vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền tại các Ngân hàng, điều này thể hiện ý chí của gia đình ông T là đã cho ông T và bà L thửa đất 408 nêu trên, cần xác định là đây tài sản chung của vợ chồng, mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$. Bà L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xác định thửa đất 408 là tài sản chung của ông T và bà L, là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L yêu cầu được nhận giá trị, thiết nghĩ để đảm bảo giá trị sử dụng của thửa đất và hiện tại ông T đang quản lý thửa đất, cần giao toàn bộ thửa đất cho ông T, ông T có trách nhiệm trả lại giá trị cho bà L là phù hợp.

[2.2] Đối với kháng cáo của bà L yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết luôn thửa đất 538 và căn nhà trên đất. Xét thấy, trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà L không được cấp sơ thẩm xem xét đơn phản tố do nộp sau ngày Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ. Do đó, cấp phúc thẩm cũng không có căn cứ xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung này. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền

lợi của mình, bà L có quyền nộp đơn khởi kiện bằng một vụ án khác về việc yêu cầu chia tài sản sau ly hôn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về chi phí thẩm định, định giá và án phí:

- Về chi phí thẩm định, định giá: bà L và ông T phải chịu theo quy định.
- Về án phí chia tài sản: bà L và ông T mỗi người được chia tài sản có giá trị 271.670.000 đồng nên mỗi người phải chịu án phí theo quy định.
- Về án phí phúc thẩm: kháng cáo của bà L được chấp nhận một phần nên bà L không phải chịu.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng Lê.

Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2019/HNGĐ-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T.

Xác định quyền sử dụng diện tích 7.762m² đất tại thửa 408, loại đất LUC, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp T, xã Th, huyện V, thành phố Cần Thơ, có giá trị 543.340.000 đồng là tài sản chung của ông T và bà L, mỗi người được hưởng giá trị ½ là 271.670.000 đồng.

Chia cho ông Nguyễn Thanh T toàn bộ quyền sử dụng diện tích 7.762m² đất tại thửa 408. Ông Nguyễn Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hồng Lê ½ giá trị là 271.670.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định, định giá Tòa án lập ngày 03/7/2018 và các Bản trích đo địa chính của Trung tâm kỹ thuật TNMT, Sở tài nguyên Môi trường TP Cần Thơ cung cấp xác nhận 03/04/2019 để xác định kích thước, vị trí phần tài sản tranh chấp.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000119 ngày 22/6/2000 do ông T đại diện hộ đứng tên, bà Nguyễn Thị Hồng L có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Thanh T.

Ông T có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên cho ông T theo quy định của pháp luật về đất đai và chịu các khoản phí, lệ phí có liên quan.

2. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Ông T phải chịu 2.966.500 đồng, công nhận đã nộp và chi xong. Bà L phải chịu 2.966.500 đồng để chuyển trả lại cho ông T.

3. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 13.583.500 đồng, được khấu trừ 5.657.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 009491 ngày 09/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh vào án phí; ông Nguyễn Thanh T còn phải nộp thêm **7.926.500 đồng** án phí.

Bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu **13.583.500 đồng**.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng L không phải chịu nên được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 008330 ngày 12/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND-TPCT
- TAND H. Vĩnh Thạnh
- Các đương sự
- Chi Cục THADS H. Vĩnh Thạnh
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quyền